TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2023/DS-ST
Ngày: 01 - 8 - 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 516/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 634/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Quốc Kh , sinh năm 1966; Địa chỉ: 7A/51 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố H ; Nơi ở hiện nay: 6/60 Cư xá Lữ Gia, đường số 3, Phường 15, Quận 11, Thành phố H .

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thu H , sinh năm 1990; Địa chỉ: B12/10 Chung cư Garden 295, Tân Kỳ Tân Quý, phường T , quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Kh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – do ông Bùi Quốc Kh trình bày: Ngày 03/5/2016, bà H có vay của ông số tiền 36.000.000 đồng, có lập Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn trả 02/9/2018.

Ngày 12/5/2016, bà H có vay thêm số tiền 66.000.000 đồng, có lập Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn trả 12/6/2018.

Trong quá trình vay, bà H trả lãi của Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 03/5/2016 là 900.000 đồng (trả ngày 04/8/2016), không trả gốc. Đối với Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 12/5/2016, bà H trả lãi được 2.100.000 đồng (vào các

ngày 16/8/2016, 22/8/2016, 30/8/2016 mỗi lần trả 700.000 đồng); tiền gốc trả được 10.000.000 đồng.

Sau khi trả các khoản trên thì bà H ngưng không trả cho đến nay mà còn cố tình hứa hẹn và trốn tránh. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H thanh toán toàn bộ số nợ vay của hai giấy vay trên tổng nợ gốc là 92.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 13,5%/năm tính đến ngày 15/6/2023, cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 03/5/2016 (số tiền vay 36.000.000 đồng, đã trả lãi 900.000 đồng, chưa trả gốc):

+ Lãi trong hạn (từ ngày 03/5/2016 đến ngày 02/9/2018 là 02 năm 04 tháng): 36.000.000 đồng x 13.5%/365 ngày x 850 ngày = 11.317.000 đồng – 900.000 đồng (trả ngày 04/8/2016) = 10.417.000 đồng *(1).*

+ Lãi quá hạn (từ ngày 03/9/2018 đến ngày 15/6/2023 là 04 năm 09 tháng 12 ngày) : 36.000.000 đồng x 13.5%/365 ngày x 1742 ngày = 23.194.000 đồng *(2).*

- Đối với Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 12/5/2016 (số tiền vay 66.000.000 đồng, đã trả gốc 10.000.000 ngày 09/7/2016, đã trả lãi 2.100.000 đồng tính đến ngày 30/8/2016):

+ Lãi trong hạn (từ ngày 12/5/2016 đến ngày 09/7/2016 là 57 ngày): 66.000.000 đồng x 13.5%/365 ngày x 57 ngày = 1.391.000 đồng.

+ Lãi trong hạn (từ ngày 10/7/2016 đến ngày 12/6/2018 là 01 năm 11 tháng 02 ngày tính trên nợ gốc còn 56.000.000 đồng): 56.000.000 đồng x 13.5%/365 ngày x 701 ngày = 14.519.000 đồng.

Như vậy lãi trong hạn phải trả là 1.391.000 đồng + 14.519.000 đồng = 15.910.000 đồng – 2.100.000 đồng = 13.810.000 đồng *(3).*

+ Lãi quá hạn (từ ngày 13/6/2018 đến ngày 15/6/2023 là 05 năm 02 ngày) : 56.000.000 đồng x 13.5%/365 ngày x 1827 ngày = 37.841.000 đồng *(4).*

Tổng cộng lãi phải trả của 02 giấy vay là : *(1) + (2) + (3) + (4)* = 85.262.000 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bà H phải thanh toán là: 92.000.000 đồng + 85.262.000 đồng = 177.262.000 đồng. Thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Kh xác nhận khi ông cho bà H vay thì ông chỉ biết là bà H có chồng nhưng không biết tên, biết mặt. Tuy nhiên, khoản vay này bà H chỉ ký một mình nên ông chỉ yêu cầu một mình bà H chịu trách nhiệm trả. Đồng thời, tại thời điểm ông cho bà H vay thì ông đang độc thân, không có vợ, số tiền này là tiền cá nhân của ông.

Bị đơn- bà Nguyễn Thu H trình bày: Năm 2016 bà H có vay của ông Kh số tiền là 30.000.000 đồng, thỏa thuận đóng tiền mỗi tuần là 1.500.000 đồng đổ lại (do bà không nhớ chính xác là bao nhiêu tiền 01 tuần nên ghi 1.500.000 đồng đổ lại). Bà H đã đóng được mấy tuần với hình thức chuyển khoản và đem đến nhà ông Kh . Thời gian quá lâu nên bà H không nhớ chính xác là đã đóng cho ông Kh được bao nhiêu tiền. Sau đó bà mất việc, mất nguồn thu nhập và mất khả năng chi trả từ thời gian đó đến nay.

Nay ông Kh khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 92.000.000 đồng và lãi 600.000 đồng là không đúng. Bà H yêu cầu Tòa án xem xét lại vụ việc và bà sẽ thỏa thuận với ông Kh số tiền vay ban đầu là 30.000.000 đồng để bà trả dần chứ bà không có khả năng trả một lần.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự giải quyết tranh chấp nhưng bà H vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 26, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 179, 220, 228, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết Hợp đồng vay tài sản. Việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Bị đơn chỉ xác nhận số nợ 30.000.000 đồng nhưng không đến Tòa để hòa giải, đối chất, xét xử mà không có lý do chính đáng, không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở xem xét. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/6/2023 với lãi suất là 13.5%/năm là 177.262.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 92.000.000 đồng, nợ lãi là 85.262.000 đồng) là có lợi cho bị đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ Luật dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Xét Đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn đang cư trú tại quận Tân Phú do đó Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà Nguyễn Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét các Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 03/5/2016 và ngày 12/5/2016: Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên tham gia là tự nguyện, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng giữa các bên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 92.000.000 đồng (trong đó Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 03/5/2016 là 36.000.000 đồng; Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 12/5/2016 là 66.000.000 đồng):

Hội đồng xét xử xét: Tại mục số 7 của các Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 03/5/2016 và ngày 12/5/2016 thể hiện nội dung thỏa thuận Bên B (Bà Nguyễn Thu H) đã nhận đủ số tiền nêu trên và có ký chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Thu H và lăn tay. Do đó có cơ sở xác định bà H đã nhận đủ số tiền 102.000.000 đồng vay của ông Kh . Ông Kh xác nhận ngày 09/7/2016 bà H đã trả tiền gốc là 10.000.000 đồng cho Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 12/5/2016.

Bà H chỉ xác nhận vay 30.000.000 đồng nhưng không nhớ chính xác là đã đóng cho ông Kh được bao nhiêu tiền. Sau đó bà mất việc, mất nguồn thu nhập và mất khả năng chi trả từ thời gian đó đến nay. Tòa án triệu tập bà H đến phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên đối chất, cũng như Thông báo yêu cầu bà H giao nộp, bổ sung tài liệu chứng cứ nhưng bà H không đến mà không có lý do chính đáng và không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở xem xét.

Tại mục số 4 của các Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 03/5/2016 và ngày 12/5/2016 thể hiện nội dung thỏa thuận thời hạn trả cuối của Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 03/5/2016 là ngày 02/9/2018; thời hạn cuối của Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 12/5/2016 là ngày 12/6/2018. Như vậy, đã quá hạn thanh toán mà bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay nên ông Kh khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc trên là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 465, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Kh về việc yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ gốc là 92.000.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 15/6/2023 là 85.262.000 đồng (trong đó Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 03/5/2016 là 32.611.000 đồng; Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 12/5/2016 là 51.651.000 đồng):

Hội đồng xét xử xét: Tại mục số 2 của Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 03/5/2016 và ngày 12/5/2016 thể hiện nội dung thỏa thuận lãi vay giữa hai bên là 2%/tháng (tương đương 24%/năm) là vượt quá quy định của pháp luật về lãi suất là 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà H không chứng minh được việc trả lãi cho các hợp đồng vay trên là bao nhiêu. Ông Kh xác nhận tổng cộng bà H trả lãi được 3.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 13.5% trên các khoản vay tính đến ngày 15/6/2023 là có lợi cho bị đơn, phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận, cụ thể lãi suất được tính như sau:

+ Đối với Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 03/5/2016 (số tiền vay 36.000.000 đồng, đã trả lãi 900.000 đồng, chưa trả gốc):

* Lãi trong hạn (từ ngày 03/5/2016 đến ngày 02/9/2018 là 02 năm 04 tháng): 36.000.000 đồng x 13.5%/365 ngày x 850 ngày = 11.317.000 đồng – 900.000 đồng (trả ngày 04/8/2016) = 10.417.000 đồng *(1)*.

* Lãi quá hạn (từ ngày 03/9/2018 đến ngày 15/6/2023 là 04 năm 09 tháng 12 ngày) : 36.000.000 đồng x 13.5%/365 ngày x 1742 ngày = 23.194.000 đồng *(2)*.

+ Đối với Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 12/5/2016 (số tiền vay 66.000.000 đồng, đã trả gốc 10.000.000 ngày 09/7/2016, đã trả lãi 2.100.000 đồng tính đến ngày 30/8/2016):

* Lãi trong hạn (từ ngày 12/5/2016 đến ngày 09/7/2016 là 57 ngày): 66.000.000 đồng x 13.5%/365 ngày x 57 ngày = 1.391.000 đồng.

Lãi trong hạn (từ ngày 10/7/2016 đến ngày 12/6/2018 là 01 năm 11 tháng 02 ngày tính trên nợ gốc còn 56.000.000 đồng): 56.000.000 đồng x 13.5%/365 ngày x 701 ngày = 14.519.000 đồng.

Như vậy lại trong hạn phải trả là 1.391.000 đồng + 14.519.000 đồng = 15.910.000 đồng – 2.100.000 đồng = 13.810.000 đồng *(3).*

* Lãi quá hạn (từ ngày 13/6/2018 đến ngày 15/6/2023 là 05 năm 02 ngày) : 56.000.000 đồng x 13.5%/365 ngày x 1827 ngày = 37.841.000 đồng *(4).*

Tổng cộng tiền lãi phải trả của 02 giấy vay là : *(1) + (2) + (3) + (4)* = 85.262.000 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi trên một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật: Hội đồng xét xử xét thấy các khoản vay trên đã quá hạn thanh toán mà bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Kh . Dó đó, ông Kh yêu cầu bà H thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi 02 khoản vay trên một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.863.100 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Hoàn trả cho ông Bùi Quốc Kh toàn bộ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.315.000 đồng theo Biên lai thu số 0062176 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 200, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc Kh .

- Buộc bà Nguyễn Thu H có trách nhiệm thanh toán nợ của Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 03/5/2016 và Hợp đồng kiêm giấy nợ tiền vay ngày 12/5/2016 là 177.262.000 (*Một trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn*) đồng, cụ thể:

+ Nợ gốc: 92.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 85.262.000 đồng.

- Thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán: Thanh toán 01 (một) lần khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.863.100 đồng. Hoàn trả cho ông Bùi Quốc Kh toàn bộ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.315.000 đồng theo Biên lai thu số 0062176 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Bùi Quốc Kh ; Bà Nguyễn Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết Nhung